

Số: /TTr-PTQĐ

Hiệp Hòa, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị tham mưu Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng
khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900
đê tả Cầu, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh

Kính gửi:

- UBND xã Hợp Thịnh;
- Phòng kinh tế xã Hợp Thịnh;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định về một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng, vị trí đất trong bảng giá đất và quyết định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: số 11/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 về việc ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 10/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026; số 14/QĐ-UBND ngày 10/2/2026 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh; số 30/2026/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 về việc Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 11 của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh số: 1616/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 Xây dựng khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900 đê tả Cầu, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh; số 669/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 Phê duyệt dự án Xây dựng khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900 đê tả Cầu, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh;

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Hiệp Hòa đề nghị Phòng kinh tế xã Hợp Thịnh kiểm tra, xem xét tham mưu UBND xã ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án, cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích đất đề nghị thu hồi: 1.141,5 m², bao gồm:

a). Tại thôn Đại Mão, với diện tích thu hồi 627,3 m², cụ thể:

1.1. Đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm ở trong cùng thửa đất ở (ONT+CLN) của 06 hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng: 216,2 m²;

1.2. Đất ở nông thôn (ONT) của 01 hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng: 43,4 m²;

1.3. Đất bằng chưa sử dụng (BCS) do UBND xã quản lý: 190,9 m²;

1.4. Đất cơ sở tôn giáo (TON) do UBND xã quản lý: 176,8 m²;

b). Tại thôn Bảo Tân, với diện tích thu hồi 514,2 m², cụ thể:

1.1. Đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm ở trong cùng thửa đất ở (ONT+CLN) của 06 hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng: 323,9 m²;

1.2. Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) của 03 hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng: 86,6 m²;

1.3. Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) của UBND xã quản lý: 79,1 m²;

1.4. Đất giao thông (DGT) do UBND xã quản lý: 24,6 m²;

2. Địa điểm: Tại thôn Bảo Tân, Đại Mão, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Lý do thu hồi đất: Xây dựng khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900 đê tả Cầu, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh;

Để thực hiện dự án theo quy định, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Hiệp Hòa đề nghị Phòng kinh tế xã Hợp Thịnh kiểm tra, rà soát quy hoạch, kế hoạch, danh mục sử dụng đất, tham mưu UBND xã Hợp Thịnh ban hành thông báo thu hồi đất theo quy định./.

Kèm theo Tờ trình gồm có:

- Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp: Xây dựng khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900 đê tả Cầu, xã Hợp

Thịnh, tỉnh Bắc Ninh; số 669/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 Phê duyệt dự án Xây dựng khẩn cấp công trình chống sạt lở bờ, bãi sông khu vực đoạn từ K8+100 ÷ K8+900 để tá Cầu, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh;

- Bản đồ trích lục địa chính khu đất thu hồi;
- Danh sách chủ sử dụng, diện tích loại đất, nguồn gốc đất thu hồi;
- Biên bản họp phổ biến chính sách, mục đích khi Nhà nước thu hồi đất;

***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã Hợp Thịnh;
- Lưu VT, HS.

*** Bản điện tử:**

- CV HĐND-UBND xã Hợp Thịnh;
- Lãnh đạo Trung tâm;

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Cường

**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN CÓ ĐẤT NẰM TRONG RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG KHẢN CẤP
CÔNG TRÌNH CHỐNG SẠT LỞ BỜ, BÃI SÔNG KHU VỰC ĐOẠN TỪ K8+100-K8+900 ĐỀ TẢ CẦU, XÃ HỢP THỊNH, TỈNH
BẮC GIANG**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-PTQĐ ngày tháng năm 2026)

Stt	Đại diện chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Thửa đất	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m ²)	Trong đó: m ²		Loại đất	Ghi chú
						Diện tích thu hồi	Diện tích còn lại		
1	Ngô Văn Phóng	Thôn Đại Mão	1	274	793.6	6.7	786.9	ONT+CLN	
2	Ngô Văn Hiếu		3		586.7	18.4	568.3	ONT+CLN	
3	Ngô Văn Vân		4		468.1	21.5	446.6	ONT+CLN	
4	Hồ Xuân Toàn		5		505.8	70.6	435.2	ONT+CLN	
			25		637.8	71.0	566.8	ONT+CLN	
5	Ngô Văn Chung		6		401.1	28.0	373.1	ONT+CLN	
6	Nguyễn Thị Thanh		23		186.8	43.4	143.4	ONT	
7	UBND xã		92		513.5	190.9	322.6	BCS	
8	UBND xã	55	1,711.6	176.8	1,534.8	TON			
9	Ngô Văn Hòa	Thôn Bảo Tân	41	273	745.5	133.6	611.9	ONT+CLN	
10	Trần Văn Tuấn		808		988.9	83.0	905.9	ONT+CLN	
11	Trần Đức Thịnh		809		488.4	107.3	381.1	ONT+CLN	
12	UBND xã		375		8,002.9	24.6	7,978.3	DGT	
13	Nguyễn Văn Năm		84	280	211.8	20.2	191.6	BHK	
14	UBND xã		99		79.1	79.1	0.0	BHK	
15	Nguyễn Văn Sáu	100	209.6		32.2	177.4	BHK		
16	Nguyễn Thế Luân	139	354.4		34.2	320.2	BHK		
Tổng cộng					16,885.6	1,141.5	15,744.1		